

Bản án số: **316/2018/DS-ST**

Ngày: 10-7-2018

V/v tranh chấp Hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Đoàn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Kim Hoàng

2. Bà Lê Thị Kim Lê

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4 -
Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4 - Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 321/2017/TLST-DS,
ngày 06 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 347/2018/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 6 năm 2018
giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ: Đường B, Phường C, Quận D - TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng
quản trị.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Duy S, sinh năm 1992 (có đơn yêu
cầu giải quyết vắng mặt).

(Văn bản ủy quyền số 11054/2018/UQ-VPB ngày 17/8/2018)

Bị đơn: Ông Dương Văn T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường E, Phường H, Quận K - TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải
quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có ông Nguyễn Duy S là người đại
diện theo ủy quyền trình bày: Ngân hàng TMCP A đã cấp tín dụng cho ông Dương
Văn T. Theo đó, những hợp đồng tín dụng mà ông Dương Văn T đã ký hợp đồng
với Ngân hàng TMCP A là:

1/ Hợp đồng tín dụng số 3098704 giải ngân ngày 25/3/2015 (Căn cứ vào đơn
Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày

20/3/2015). Số tiền vay 47.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay tiêu dùng.

2/ Hợp đồng tín dụng số 3645401 giải ngân ngày 11/6/2015 (Căn cứ vào đơn Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 05/6/2015). Số tiền vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng.

3/ Hợp đồng tín dụng số 325-P-157777 giải ngân ngày 24/3/2015 (Căn cứ vào giấy Đề nghị phát hành thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 19/3/2015), hạn mức 10.000.000 đồng.

Sau khi ký kết hợp đồng, ông T đã nhận đủ số tiền vay và đã thanh toán cho ngân hàng số tiền cụ thể như sau:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 3645401, kể từ ngày vay vốn ông T đã thanh toán được tổng cộng 5.179.014 đồng (trong đó: nợ gốc là 1.083.343 đồng, nợ lãi là 4.095.671 đồng).

- Đối với hợp đồng tín dụng số 3098704, kể từ ngày vay vốn ông T đã thanh toán được tổng cộng 13.161.871 đồng (trong đó: nợ gốc là 3.231.026 đồng, nợ lãi là 9.930.845 đồng).

- Đối với hợp đồng tín dụng số 325-P-157777, kể từ ngày vay vốn ông T đã thanh toán bao gồm cả nợ gốc và nợ lãi là 2.511.000 đồng.

Sau đó, ông Dương Văn T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Mặc dù ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện trả nợ nhưng ông T vẫn cố tình tránh né không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Nay, ngân hàng yêu cầu ông Dương Văn T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 18/5/2018, cụ thể như sau:

- Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 3098704; LD 1508400371 là 43.768.974 đồng.

- Nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 3098704; LD 1508400371 là 52.336.785 đồng.

- Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 3645401; LD 1516200284 là 18.916.657 đồng.

- Nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 3645401; LD 1516200284 là 21.219.152 đồng.

- Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 325-P-157777 là 9.735.258 đồng.

- Nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 325-P-157777 là 13.852.974 đồng.

Do Ngân hàng TMCP A xác định chỉ giao dịch tín dụng với một mình ông T nên chỉ đề nghị một mình ông T phải thanh toán số tiền còn thiếu tổng cộng là 159.829.800 đồng. Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bị đơn ông Dương Văn T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai tại tòa. Cụ thể, Tòa án đã tổng đạt các văn bản sau đây: Ngày 06/12/2017, Tòa án nhân dân Quận 4 đã ra thông báo thụ lý số 321/TB-TLVA và đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý này cho ông Dương Văn T nhưng sau 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý ông T

vẫn không có ý kiến gì. Tòa án đã triệu tập ông T đến để lấy lời khai, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt không lý do. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có lời trình bày của ông Dương Văn T.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Duy S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đồng thời xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là đề nghị ông Dương Văn T phải thanh toán số tiền còn thiếu như sau:

+ Đối với hợp đồng tín dụng 3098704, số tiền nợ là 99.060.165 đồng (trong đó: nợ gốc là 47.768.974 đồng, nợ lãi là 55.291.191 đồng).

+ Đối với hợp đồng tín dụng 3645401, số tiền nợ là 41.412.683 đồng (trong đó: nợ gốc là 18.916.657 đồng, nợ lãi là 22.496.026 đồng).

+ Đối với hợp đồng tín dụng 325-P-157777, số tiền nợ là 24.112.184 đồng (trong đó: nợ gốc là 9.735.258 đồng, nợ lãi là 14.376.926 đồng).

Tổng cộng là 164.585.032 đồng.

- Bị đơn ông Dương Văn T vắng mặt nên không có lời trình bày tại tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Tại đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng thẻ tín dụng: Ngày 20/3/2015; Ngày 05/6/2015; Ngày 19/3/2015 ông Dương Văn T đều có ký tên và xác nhận “ Tôi cam kết đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với tất cả các điều khoản, thông tin nêu trên”. Theo đó thì Ngân hàng đã cấp tín dụng và ra Thông báo cho vay cho ông Dương Văn T theo Hợp đồng tín dụng số 3098704, ngày 20/3/2015 số tiền là 47.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 3645401, số tiền là 20.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 325-P-157777 hạn mức 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ông T đã được Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập họp lệ theo đúng quy định. Nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do nên việc lấy lời khai cũng như việc hòa giải không tiến hành được. Như vậy, ông Dương Văn T đã tự khước bỏ quyền lợi của mình. Xét thấy, ông Dương Văn T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể là buộc ông Dương Văn T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ tạm tính đến ngày 10/7/2018 của Hợp đồng tín dụng số 3098704 giải ngân ngày 25/3/2015 là 99.060.165 đồng; Hợp đồng tín dụng số 3645401 giải ngân ngày 11/6/2015 là 41.412.683 đồng; Hợp đồng tín dụng số 325-P-157777 giải ngân ngày 24/3/2015 là 24.112.184 đồng. Tổng cộng là 164.585.032 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn không trăm ba mươi hai đồng). Đồng thời, bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu ông Dương Văn T thanh toán số tiền còn thiếu, như vậy có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Căn cứ Phiếu xác minh ngày 03/01/2018 của Tòa án nhân dân Quận 4 tại Công an Phường H, Quận K thì **“Đương sự Dương Văn T, sinh năm 1976, có hộ khẩu thường trú tại đường E, Phường H, Quận K - TP. Hồ Chí Minh. Hiện không thực tế tại địa phương, đã bỏ đi từ tháng 01 năm 2018”**. Tại bản tự khai ngày 17/5/2018, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn xác định không cung cấp được địa chỉ nào khác của bị đơn và đề nghị Tòa án nhân dân Quận 4 giải quyết vụ kiện theo địa chỉ đường E, Phường H, Quận K - TP. Hồ Chí Minh là nơi cư trú cuối cùng của ông Dương Văn T mà ngân hàng được biết.

Căn cứ vào các T liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy cho đến thời điểm thụ lý vụ án ngày 06/12/2017 thì bị đơn ông Dương Văn T vẫn còn hộ khẩu thường trú tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp khi khởi kiện và bị đơn cố tình giấu địa chỉ không báo cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện như quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó Tòa án nhân dân Quận 4 có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự:

Ngày 17/5/2018, Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ như Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2018/QĐXXST-DS và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 12/6/2018 đối với ông Dương Văn T nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành xét xử vụ án được.

Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Duy S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Dương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai có mặt tại phiên tòa vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 10/7/2018 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Dương Văn T.

[2]. Về nội dung:

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A yêu cầu ông Dương Văn T thanh toán số tiền nợ tổng cộng là 164.585.032 đồng. Thanh toán ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực.

+ Về nợ gốc:

Căn cứ vào đơn Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3645401 ký ngày 05/6/2015 (được gọi là hợp đồng tín dụng số 3645401), có đủ cơ sở xác định ông Dương Văn T có ký kết đơn Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP A để vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 30%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Xét việc thỏa thuận giữa các bên là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Dương Văn T đã nhận đủ số tiền vay và chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng được 5.179.014 đồng (trong đó: nợ gốc là 1.083.343 đồng, nợ lãi là 4.095.671 đồng). Sau đó, ông T không tiếp tục thanh toán cho ngân hàng, mặc dù đã được nhắc nhở nhiều lần. Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP A đề nghị Tòa án buộc ông T phải thanh toán nợ gốc 18.916.657 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào đơn Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3098704 ký ngày 20/3/2015 (được gọi là hợp đồng tín dụng số 3098704), có đủ cơ sở xác định ông Dương Văn T có ký kết đơn Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP A để vay số tiền 47.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 30%/năm, thời hạn vay 48 tháng. Xét việc thỏa thuận giữa các bên là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Dương Văn T đã nhận đủ số tiền vay và chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng được 13.161.871 đồng (trong đó: nợ gốc là 3.231.026 đồng, nợ lãi là 9.930.845 đồng). Sau đó, ông T không tiếp tục thanh toán cho ngân hàng, mặc dù đã được nhắc nhở nhiều lần. Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP A đề nghị Tòa án buộc ông T phải thanh toán nợ gốc 43.768.974 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ký ngày 19/3/2015, Ngân hàng TMCP A đã cấp thẻ tín dụng cho ông Dương Văn T loại thẻ MasterCard, màu tím với hạn mức cấp tín dụng là 10.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Dương Văn T không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng TMCP A theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, Ngân hàng TMCP A đã chuyển toàn bộ khoản nợ thẻ của ông T sang nợ quá hạn với dư nợ gốc của khoản thẻ là 9.735.258 đồng. Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP A đề nghị Tòa án buộc ông T phải thanh toán nợ gốc là 9.735.258 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số nợ gốc mà ông Dương Văn T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP A của các hợp đồng tín dụng nêu trên là 72.420.889 đồng.

+ Về nợ lãi:

Căn cứ vào sự thỏa thuận của các bên đương sự tại đơn Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3645401 ký ngày 05/6/2015 (được gọi là hợp đồng tín dụng số 3645401) thì lãi suất cho vay là 30%/năm. Do đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên Tòa án áp dụng lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng để giải quyết. Như vậy, ông T còn phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 10/7/2018 là 22.496.026 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nợ lãi của nguyên đơn.

Căn cứ vào sự thỏa thuận của các bên đương sự tại đơn Đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3098704 ký ngày 20/3/2018 (được gọi là hợp đồng tín dụng số 3098704) thì lãi suất cho vay là 30%/năm. Do đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên Tòa án áp dụng lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng để giải quyết. Như vậy, ông T còn phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 10/7/2018 là 55.291.191 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nợ lãi của nguyên đơn.

Căn cứ vào sự thỏa thuận của hai bên đương sự tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ký ngày 19/3/2015 thì ông Dương Văn T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng thông báo thu hồi nợ và chuyển toàn bộ số tiền nợ còn lại thành nợ quá hạn và tính lãi theo nợ quá hạn là có cơ sở. Do đây là tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên Tòa án áp dụng lãi suất do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế để giải quyết. Căn cứ vào Điều 4, Điều 5 của Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế thì tính đến ngày 10/7/2018, ông T còn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi quá hạn là 14.376.926 đồng.

- Về thời hạn thanh toán: Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định ông Dương Văn T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và mặc dù nguyên đơn cũng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn cố tình tránh né thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ còn thiếu ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn; Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

- Căn cứ vào Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2011;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Dương Văn T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ tạm tính đến ngày 10/7/2018 của Hợp đồng tín dụng số 3098704 giải ngân ngày 25/3/2015 là 99.060.165 đồng; Hợp đồng tín dụng số 3645401 giải ngân ngày 11/6/2015 là 41.412.683 đồng; Hợp đồng tín dụng số 325-P-157777 giải ngân ngày 24/3/2015 là 24.112.184 đồng. Tổng cộng là 164.585.032 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn không trăm ba mươi hai đồng).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 11/7/2018 cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng ông Dương Văn T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn do hai bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Dương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 8.229.252 đồng (tám triệu hai trăm hai mươi chín nghìn hai trăm năm mươi hai đồng).

- Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 3.426.000 đồng (ba triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng) cho Ngân hàng TMCP A đã nộp theo biên lai số 0008333 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4 - TP. Hồ Chí Minh

3. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đỗ Đoàn Thanh Trúc